

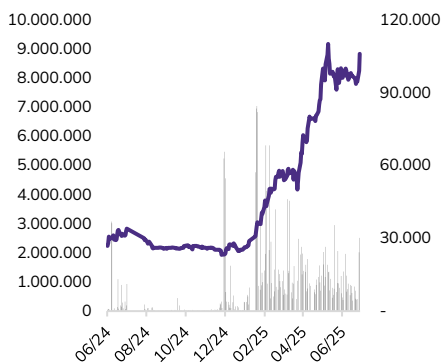
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thiết bị điện
Ngày báo cáo	: 24/07/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 119.800
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 43.847
SLCPLH (CP)	: 365.999.956

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2Q24	2Q25
Tăng trưởng DTT (%)	37,8%	22,6%
Tăng trưởng LNST (%)	503,7%	2,3%
Biên LNG (%)	14,6%	15,9%
Biên LNST (%)	9,7%	8,1%
ROA (%)	3,2%	3,7%
ROE (%)	9,8%	7,8%
Nợ vay/VCSH (lần)	1,23	0,60
EPS (VND/CP)	1.422	1.450
BVPS (VND/CP)	17.631	18.600

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD 6T/2025 tăng trưởng tích cực nhờ mảng thiết bị điện

- KQKD Q2/2025 – mảng thiết bị điện tiếp tục tăng trưởng khả quan nhưng doanh thu tài chính sụt giảm mạnh khiến lợi nhuận chỉ tăng nhẹ svck:
 - ✓ Trong Q2/2025, doanh thu thuần (DTT) của GEE đạt 6.510 tỷ đồng (+22,6% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 1.035 tỷ đồng (+33,6% svck), biên LNG đạt 15,9%, tăng so với mức 14,6% của cùng kỳ năm trước.
 - ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng +19,7% svck lên 292 tỷ đồng.
 - ✓ Doanh thu tài chính trong Q2/2025 đạt 38 tỷ đồng, giảm mạnh -88,3% svck, chủ yếu do không còn sự đóng góp từ khoản thoái vốn tại các đơn vị năng lượng thành viên như năm 2024 nữa. Theo đó, cùng kỳ năm trước, GEE ghi nhận 288 tỷ đồng doanh thu tài chính từ thoái vốn 10% còn lại tại GELEX Quảng Trị vào T5/2024 & thoái 80% vốn góp tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận vào T6/2024. Trong khi đó, chi phí tài chính cũng giảm mạnh về còn 119 tỷ đồng (-40,4% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, phí LC, lãi mua hàng trả chậm, chi phí liên quan nghiệp vụ LME - Hedging giảm svck.
 - ✓ Ngoài ra, lãi từ hoạt động liên doanh liên kết cũng tăng mạnh +181,6% svck lên 61 tỷ đồng nhưng hoạt động khác lỗ gần 1,9 tỷ đồng (+196,5% svck).
 - ✓ **Kết quả, LNTT & LNST cổ đông công ty mẹ đạt lần lượt 722 tỷ đồng (+7% svck) & 528 tỷ đồng (+2,3% svck).**
- KQKD 6T/2025 khả quan, hoàn thành 81,2% kế hoạch LNST năm 2025:
 - ✓ Lũy kế 6T/2025, DTT của GEE đạt 11.791 tỷ đồng (+30,6% svck), LNG đạt 1.868 tỷ đồng (+61,4% svck), biên LNG tăng lên 15,8% từ mức 12,8% của cùng kỳ năm trước. Trong đó, mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi là thiết bị điện tiếp tục tăng trưởng tích cực và đóng góp chủ đạo vào doanh thu, lợi nhuận của GEE. Cụ thể: 1) Mảng thiết bị điện có DTT đạt 11.668 tỷ đồng (+32,2% svck, chiếm 99% cơ cấu DTT), LNG đạt 1.825 tỷ đồng (+71,2% svck, chiếm 97,7% cơ cấu LNG), biên LNG đạt 15,6% (+3,6 điểm phần trăm YoY & +1,7 điểm phần trăm QoQ); 2) Mảng năng lượng sụt giảm mạnh do GEE đã tiến hành thoái vốn tại các đơn vị năng lượng thành viên, theo đó DTT đạt 108 tỷ đồng (-39,7% svck, chiếm 0,9% cơ cấu DTT), LNG đạt 36 tỷ đồng (-56,2% svck, chiếm 1,9% cơ cấu LNG), biên LNG giảm mạnh về 33,2% từ mức 45,7% của cùng kỳ năm trước.
 - ✓ Chúng tôi cho rằng KQKD khả quan trên là do các nguyên nhân sau: i) Tốc độ tăng giá vốn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu; ii) Tiết giảm được chi phí lãi vay; iii) Các đơn vị thành viên và các công ty liên kết (chủ yếu là về thiết bị điện) có KQKD trong nửa đầu năm khá tốt, đặc biệt là Cadivi (công ty con đóng góp trên 60% doanh thu và trên 70% lợi nhuận của GEE). Là đơn vị hàng đầu Việt Nam về dây và cáp điện, chất lượng sản phẩm tốt, hệ thống phân phối rộng khắp, Cadivi đã ngày càng mở rộng địa bàn kinh doanh trong năm 2024 và nửa đầu năm 2025 tại Cần Thơ, Hải Phòng, Thanh Hóa, Phú Thọ, Kiên Giang..., không ngừng mở rộng thị trường quốc tế thông qua các dòng sản phẩm chất lượng cao, đẩy mạnh các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.

- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh +24,5% svck lên 497 tỷ đồng.
- ✓ Doanh thu tài chính giảm mạnh -80,9% svck về còn 70 tỷ đồng do thiếu vắng khoản lãi thoái vốn, trong khi đó chi phí tài chính giảm -41% svck về còn 197 tỷ đồng, chủ yếu do lãi vay giảm -29% svck về còn 108 tỷ đồng. Ngoài ra, các khoản chiết khấu thanh toán, phí LC, phí liên quan nghiệp vụ Hedging giảm mạnh svck. Hoạt động tài chính trong nửa đầu năm 2025 bị lỗ ròng 127 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi 34 tỷ đồng nhờ hoạt động thoái vốn.
- ✓ Nhìn chung, hoạt động tài chính của GEE liên tục lỗ ròng kể từ năm 2019 tới nay vì chi phí lãi vay cao do nợ vay lớn nhưng trong giai đoạn 2022-2024 hoạt động tài chính được nâng đỡ bởi các khoản lãi từ thoái vốn tại các đơn vị thành viên là các công ty năng lượng bên cạnh các khoản cổ tức được nhận từ các công ty con lâu năm. Tuy nhiên, mặc dù chi phí lãi vay đã giảm nhiều so với các năm trước do nợ vay đã giảm mạnh nhưng hoạt động tài chính tiếp tục lỗ ròng trong 6T/2025 do không còn các khoản thoái vốn đầu tư.
- ✓ Khoản lãi từ hoạt động liên doanh liên kết tăng mạnh lên 90 tỷ đồng (+212% svck) trong khi hoạt động khác lỗ trên 4 tỷ đồng (cùng kỳ năm trước lãi gần 1,9 tỷ đồng).
- ✓ Lợi nhuận từ HĐKD đạt 1.334 tỷ đồng (+62,6% svck). Nếu loại trừ khoản lợi nhuận bất thường từ việc thoái vốn tại các dự án năng lượng trong cùng kỳ năm ngoái, thì lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi trong nửa đầu năm 2025 tăng gấp 2,5 lần.
- ✓ **Kết quả, LNTT & LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 1.330 tỷ đồng (+61,8% svck) & 980 tỷ đồng (+57,8% svck). Như vậy, kết thúc nửa đầu năm, GEE đã hoàn thành 53,3% kế hoạch doanh thu & 81,2% kế hoạch LNST năm 2025.**

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025 & 6T/2025

Chỉ tiêu	2Q24	2Q25	%YoY	1H24	1H25	%YoY
Doanh thu thuần	5.310	6.510	22,6%	9.030	11.791	30,6%
Lợi nhuận gộp	775	1.035	33,6%	1.157	1.868	61,4%
Biên LN gộp	14,6%	15,9%		12,8%	15,8%	
Chi phí BH & QLDN	(244)	(292)	19,7%	(399)	(497)	24,5%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	4,6%	4,5%		4,4%	4,2%	
Doanh thu tài chính	322	38	-88,3%	367	70	-80,9%
Chi phí tài chính	(199)	(119)	-40,4%	(333)	(197)	-41,0%
Chi phí lãi vay	(73)	(61)	-16,4%	(152)	(108)	-29,0%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	675	723	7,2%	820	1.334	62,6%
Lợi nhuận trước thuế	674	722	7,0%	822	1.330	61,8%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	516	528	2,3%	621	980	57,8%
Biên LN ròng	9,7%	8,1%		6,9%	8,3%	

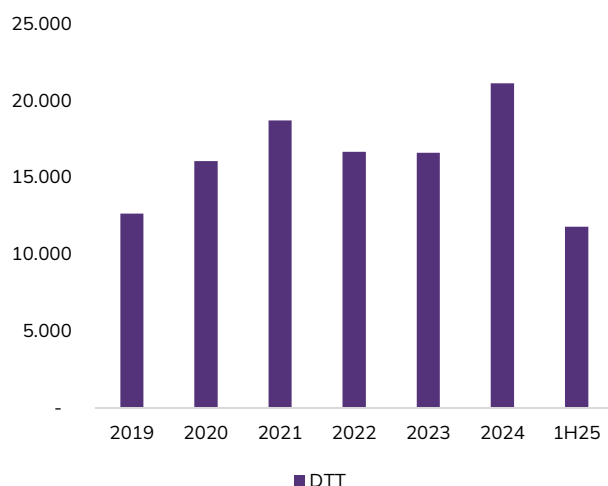
Nguồn: FiinPro, ABS Research

DOANH THU, CHI PHÍ TÀI CHÍNH CỦA GEE 2020-1H25

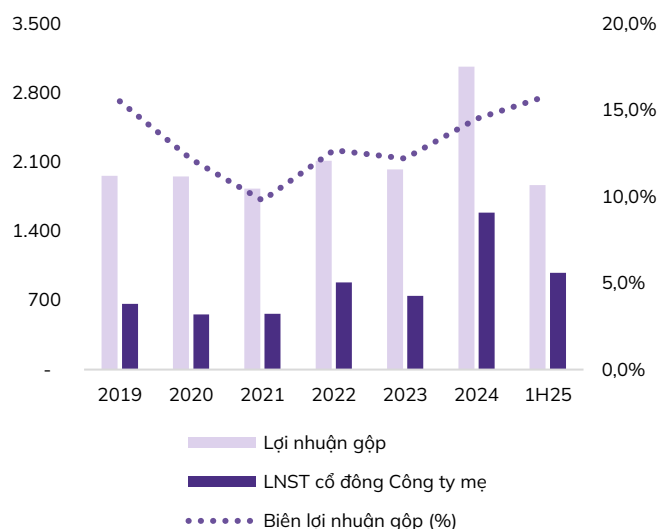
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024	1H25
Doanh thu tài chính	234	395	840	572	544	70
Lãi tiền gửi, cho vay	19	81	54	56	36	14
Cổ tức, lợi nhuận được chia	84	118	182	144	118	-
Lãi từ bán, thanh lý các khoản đầu tư	-	-	504	285	288	-
Doanh thu tài chính khác	130	196	100	86	102	56
Chi phí tài chính	621	744	1,127	901	609	197
Lãi tiền vay	448	516	716	576	269	108
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	125	194	218	184	222	57
Chi phí tài chính khác	49	34	193	141	117	32
Lãi/lỗ hoạt động tài chính	(387)	(350)	(288)	(329)	(65)	(127)

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của GEE 2019-1H25 (tỷ đồng)

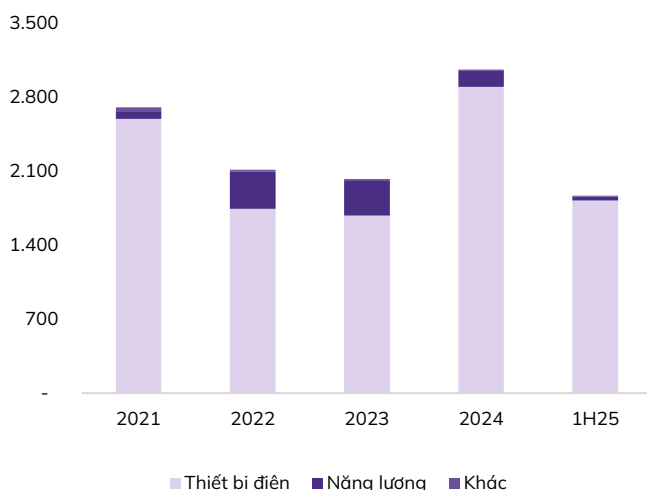


Quy mô lợi nhuận của GEE (tỷ đồng)

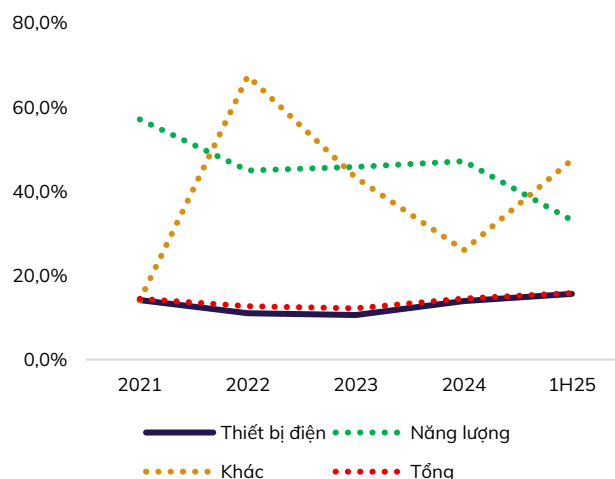


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu LNG các mảng kinh doanh của GEE (tỷ đồng)



Biên LNG các mảng kinh doanh của GEE 2021-1H25 (%)



Nguồn: GEE, ABS Research

• **Tình hình tài chính vẫn ở mức an toàn:**

- ✓ **Lượng tiền có xu hướng tăng so với cuối năm 2024.** Tại 30/6/2025, GEE có 1.038 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+34,6% so với cuối năm 2024), chiếm 7,2% cơ cấu TTS. Lượng tiền có xu hướng dồi dào trở lại, giúp GEE có thể chủ động phần nào trong HĐKD.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn giảm nhẹ.** Tại 30/6/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 2.242 tỷ đồng (-0,5% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 15,6 % cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 177,2 tỷ đồng. Trong khi đó, hàng tồn kho tăng +18,8% so với thời điểm cuối năm 2024 lên 4.373 tỷ đồng, chiếm 30,5% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 66 tỷ đồng, chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm.
- ✓ **Đầu tư tài chính ngắn & dài hạn.** Tại 30/6/2025, khoản mục đầu tư tài chính dài hạn của GEE là 2.779 tỷ đồng (+4,4% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 19,4% cơ cấu TTS, chủ yếu là khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết và góp vốn khác, trong đó giá trị lớn nhất là khoản góp vốn vào Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh (1.273 tỷ đồng, sở hữu

47% tại công ty này) & góp vốn vào CTCP Hạ tầng GELEX (trên 1.111 tỷ đồng, sở hữu 14,06% tại công ty này). Ngoài ra, GEE còn có gần 388 tỷ đồng chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

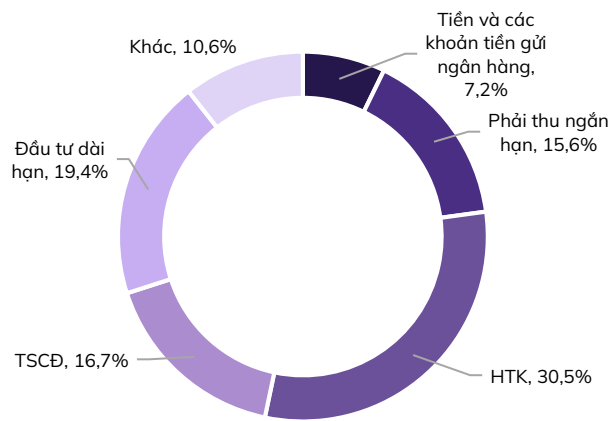
- ✓ **Đòn bẩy tài chính đã giảm về ngưỡng an toàn.** Tại 30/6/2025, tổng nợ vay của GEE là 4.393 tỷ đồng (+28,3% so với thời điểm cuối năm 2024), do tăng vay dài hạn +215% Ytd. Trong tổng nợ vay, đa phần là nợ vay ngắn hạn (2.967 tỷ đồng, chiếm 67,5%). Nhìn chung, nợ vay của GEE đã giảm dần trong giai đoạn 2021-2024. Hệ số D/E đã giảm liên tục từ năm 2021 tới 2024 (năm 2021 là 1,92 lần, 2024 là 0,49 lần). Việc giảm nợ vay và đòn bẩy tài chính đã giúp chi phí lãi vay liên tục giảm trong các năm qua, từ đó hỗ trợ lợi nhuận tốt hơn. Tuy nhiên, tại 30/6/2025, hệ số D/E tăng lên 0,6 lần nhưng vẫn ở ngưỡng an toàn.

Đòn bẩy tài chính đã giảm về ngưỡng an toàn

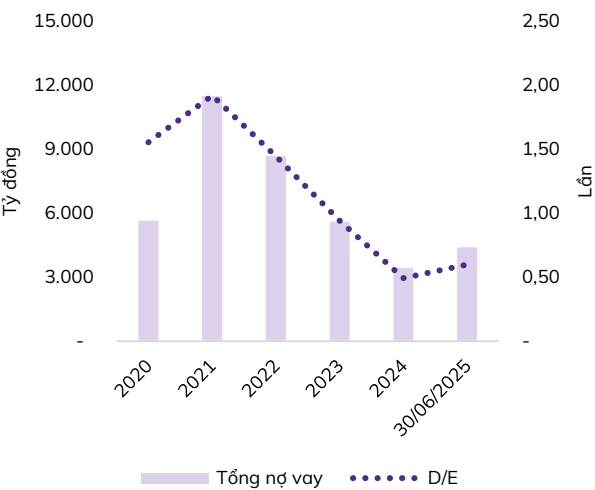
Nợ vay của GEE (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024	1H25
Vay ngắn hạn	3.947	5.370	3.506	4.370	2.971	2.967
Vay dài hạn	1.702	6.114	5.160	1.236	453	1.426
Tổng nợ vay	5.649	11.484	8.666	5.605	3.425	4.393
VCSH	3.639	5.987	6.003	5.952	6.954	7.346
D/E (lần)	1,55	1,92	1,44	0,94	0,49	0,60

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu TTS của GEE tại 30/06/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của GEE



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng của GEE dự báo khả quan dựa trên các yếu tố sau:**
 - ✓ Mặc dù không còn sự đóng góp từ các khoản thoái vốn tại các đơn vị năng lượng thành viên như các năm trước nhưng KQKD 6T/2025 đã cho thấy sự tăng trưởng rất tích cực từ mảng HĐKD cốt lõi là mảng thiết bị điện. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiếp tục kiên định với chiến lược tập trung vào ngành nghề cốt lõi, mở rộng sản phẩm mới thông qua đầu tư R&D, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, quản trị và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Đây là cơ sở để kỳ vọng GEE tiếp tục gặt hái thành quả trong nửa sau của năm 2025.
 - ✓ Về dài hạn, chúng tôi đánh giá triển vọng của GEE thời gian tới sẽ khả quan do các yếu tố sau:
 - Theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015-2025 ngành thiết bị điện năm 2025 phải sản xuất, cung ứng trọng bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và đáp ứng 60-70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và

các hệ thống ghi điểm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu 19-20% giá trị sản xuất, tập trung các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xk tăng 35,5%/năm.

- Sự tăng trưởng mạnh mẽ từ NLTT cũng cần đầu tư nhiều hơn vào CSHT điện, cụ thể là máy biến áp và cáp điện để tránh tình trạng bị quá tải lưới điện.
 - Nhu cầu lớn cho các thiết bị điện từ các dự án giao thông nhằm giảm ùn tắc. Kế hoạch đầu tư vào lĩnh vực viễn thông cũng thúc đẩy tăng trưởng cho ngành sản xuất dây dẫn, thiết bị điện.
 - Bên cạnh đó, GEE cũng định hướng sẽ mở rộng khai thác tại thị trường nước ngoài trong xu hướng cải tạo hệ thống lưới điện của Châu Âu và Châu Mỹ trong thời gian tới, thông qua việc tìm kiếm các đối tác nước ngoài để cùng thành lập các nhà máy/VPĐD ở các thị trường này.
 - Ngoài ra, đối với mảng xây dựng đường cao tốc 67 tỷ USD, trong đó có mảng cáp ngầm cho tàu cao tốc. Hiện nay, loại cáp này ở VN chưa sản xuất được nhưng CADIVI đang tìm kiếm các đối tác nước ngoài để có thể nhận chuyển giao công nghệ và có thể sản xuất được các sản phẩm này.
 - Tuy nhiên, Công ty phải đối mặt với rủi ro nguyên vật liệu do các nguyên liệu chính là đồng, thép silic, dầu cách điện phần lớn phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, mà giá các nguyên vật liệu này đang có xu hướng tăng trở lại. Bên cạnh đó, GEE cũng phải đối mặt với rủi ro tỷ giá trong bối cảnh tỷ giá đang chịu sức ép tăng trong năm 2025.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của GEE dự kiến đạt 1.924 tỷ đồng (+21,1% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 5.257 đ/cp & 21.097 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 22,39 và 5,58 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F đạt 24,9%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA GEE

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	18.714	16.665	16.607	21.130
Giá vốn hàng bán	-16.884	-14.551	-14.581	-18.066
Lợi nhuận gộp	1.830	2.114	2.026	3.064
Doanh thu tài chính	395	841	572	544
Chi phí tài chính	-744	-1.128	-901	-609
Chi phí bán hàng	-361	-349	-328	-410
Chi phí QLDN	-387	-408	-420	-457
Lợi nhuận từ HKKD	761	1.089	950	2.157
Lãi/Lỗ khác	57	32	17	-4
Lợi nhuận trước thuế	818	1.120	967	2.153
Lợi nhuận sau thuế	655	972	793	1.715
LNST cổ đông Công ty mẹ	566	880	745	1.588

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HKKD	-1.186	1.648	2.318	535
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-1.818	1.261	4	1.012
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	3.612	-3.609	-1.908	-1.982
LCT thuần trong kỳ	608	-700	414	-435
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	803	1.410	710	1.125
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.410	710	1.125	692

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,14	1,26	1,02	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	0,48	0,53	0,51	0,56
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,16	0,15	0,20	0,14
Khả năng thanh toán lãi vay	2,58	2,56	2,68	8,99
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,26	0,34	0,43	0,54
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,74	0,66	0,57	0,46
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,92	1,44	0,94	0,49
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	66,7	50,7	38,8	27,4
Số ngày phải trả	58,2	48,4	20,4	17,2
Số ngày tồn kho	106,1	139,7	93,1	68,2
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,8%	12,7%	12,2%	14,5%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	6,4%	10,5%	8,8%	11,3%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	3,5%	5,8%	4,8%	8,1%
ROE	13,6%	16,2%	13,3%	26,6%
ROA	3,5%	4,8%	5,1%	12,9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410	710	1.125	692
+ Đầu tư ngắn hạn	330	225	162	80
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3.530	2.333	1.996	2.253
+ Hàng tồn kho	6.780	4.360	3.074	3.680
+ Tài sản ngắn hạn khác	396	140	206	157
Tài sản ngắn hạn	12.446	7.768	6.563	6.861
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	15	7	70
+ Tài sản cố định	6.785	6.683	3.460	2.453
+ Bất động sản đầu tư	0	139	130	123
+ Tài sản dở dang dài hạn	514	171	264	173
+ Đầu tư dài hạn	2.598	1.882	2.653	2.662
+ Tài sản dài hạn khác	780	762	644	561
Tài sản dài hạn	10.678	9.652	7.160	6.042
Tổng Tài sản	23.124	17.420	13.723	12.903
+ Vay ngắn hạn	5.370	3.506	4.370	2.971
+ Nợ ngắn hạn khác	5.553	2.659	2.089	2.410
Nợ ngắn hạn	10.923	6.165	6.459	5.381
+ Vay dài hạn	6.114	5.160	1.236	453
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	99	91	77	116
Nợ dài hạn	6.213	5.251	1.312	569
Tổng nợ phải trả	17.136	11.416	7.771	5.950
+ Vốn cổ phần	3.000	3.000	3.000	3.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	835	835	835	835
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	858	920	1.055	2.045
+ Quỹ khác	1.294	1.248	1.061	1.073
Vốn chủ sở hữu	5.987	6.003	5.952	6.953
Tổng cộng nguồn vốn	23.124	17.420	13.723	12.903

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	16,4%	-11,0%	-0,3%	27,2%
Tăng trưởng LNTT	3,3%	37,6%	-16,0%	57,0%
Tăng trưởng LNST	-0,1%	48,4%	-18,4%	116,3%
Tăng trưởng VCSH	64,5%	0,3%	-0,9%	16,8%
Tăng trưởng Tổng tài sản	60,6%	-24,7%	-21,2%	-6,0%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	N/A	9,61	13,32	10,31
P/B	N/A	1,60	1,83	2,56
EPS	2.280	2.935	2.485	5.294
BVPS	17.414	17.620	18.107	21.325

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây